

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4 (Phần cuối)

Hai là “Nếu chính v.v...” trở xuống là nói về công năng, lại có:

- Nói về việc phá dục để giúp cho Chính, có hai:

Một là Chỉ bày sơ lược.

Hai là Chỉ bày chi tiết, có ba:

Một là dẫn Thích luận để làm rõ về Chính: “Ba thứ giải thoát”:

Đó là Không, Vô tướng, Vô tác. Từ ba quả được chứng mà gọi là cửa giải thoát. Giải thoát và Niết-bàn tuy là hai tên gọi nhưng thể chỉ có một. “Đạo phẩm là pháp mở cửa”. Tiểu thừa thì dùng mười sáu phép quán làm ba cửa giải thoát. Phẩm ngày nay thì lại Chính là Không, Chính là Giả, Chính là Trung để làm ba cửa giải thoát. Muốn mở cửa này thì hành giả phải dùng Đạo phẩm điều phối mà tu tập. Như dùng bốn thứ Niệm xứ để tu tập Chính là Không, Chính là Giả, Chính là Trung và bốn Chánh cần. Cho đến điều phối tám Chánh để tu tập cũng giống như thế. Nghĩa của sự điều phối bảy khoa thuộc ba thứ giải thoát ở Tiểu thừa cũng giống như vậy. Nghĩa là đều lấy đạo phẩm làm pháp mở cửa. “Chín thứ tướng là”:

1. Tướng tương hình.
2. Tướng hư hoại.
3. Máu loang lổ.
4. Mủ rửa nát.
5. Bầm tím.
6. Ăn.
7. Tản mát.
8. Xương.
9. Thiêu đốt.

Nếu theo Tiểu thừa thì có hai thứ người:

Một là Người thuộc Hoại pháp, chỉ cầu dứt khổ thì chỉ tu đến loại tướng thiêu đốt, thành người của Tuệ giải thoát.

Hai là Người thuộc bất hoại pháp, chỉ trụ ở tướng xương mà không tiến đến tướng thiêu đốt, có xuất ra ánh sáng v.v... có đầy đủ công đức, thành người thuộc Câu giải thoát. Nay nói về Bồ-tát thấy Thật tướng của Thiên gọi là tu đạt thiên, khác hẳn với Tiểu thừa. Tuy Đại, tiểu có khác nhau nhưng đều dùng Bất tịnh để giúp cho sự khai mở ba cánh cửa giải thoát.

Kế là chỉ bày sự tiến tu để nói về sự lớn lao của lực. Đầu tiên là tu tập bất tịnh, tiến lên tám bối và hoàn toàn Bất tịnh. Sở dĩ nói lớn là vì nếu chỉ quán Chánh báo của thân mình và thân người thì gọi là bất tịnh ở phạm vi nhỏ, tức là chín quán tướng. Nếu quán cả y báo gọi là hoàn toàn bất tịnh. Đó là “Nhà như gò mả”, “Tiền bạc như rấn chết”, “canh như nước tiểu”, “cơm như dòi tửa” “áo như da hôi thối”, “Núi như đồng thối”, “Ao hồ như sông mủ”, “Vườn rừng như xương khô”, “Sông biển như giòng nước ô ứ” v.v... Tất cả đều hoàn toàn bất tịnh, cùng còn gọi là “Xả bỏ hoàn toàn”. Bối tức là quay lưng với năm thứ dục tình khiết. Xả là xả bỏ tâm chấp đắm.

Kế là dẫn sự làm sáng tỏ về đối trị của Đại kinh để nói về muốn được giải thoát, năng lực đối trị mạnh thì mau chóng phát khởi vô lậu.

Kế đến là “Không này v.v...” trở xuống là nói về Trợ và Chính của hai không, có ba:

Một là Y theo nghĩa để chỉ bày chung.

Hai là dẫn kinh để chỉ bày riêng. “Tám thứ sắc xuất ra ánh sáng”: Đó là tám thứ sắc gồm đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ và trắng. Pháp Giới Thứ Đệ nói: “Thấy sắc của đất như đất Vàng, Xanh trong sạch, thấy sắc của nước như nước sâu lắng trong, thấy sắc của Lửa như lửa không khói thanh tịnh, thấy sắc của gió như gió không bụi trong sạch, Thấy sắc của màu Xanh như núi Kim Tinh, thấy sắc của màu Vàng như hoa Bồ-bặc, thấy sắc của màu đỏ như ráng đỏ vào sáng mùa Xuân, thấy sắc của màu trắng như tuyết kha bối.

Ba là “Đó là y theo v.v...” trở xuống là kết thành trợ chính, để đối trị dục: Tu tập thiên mà dùng Chánh quán của Nhị không để biết rõ cảnh bất tịnh. Vì là pháp giới nên chẳng thấy người giả và thật pháp ở xương, ánh sáng. Phối hợp Chính và Trợ này để tu tập mới là pháp giúp đỡ cho sự khai mở của Đại thừa.

Thứ đến là nói về quán nhị không của Sinh và Pháp, lại có:

- Chia văn lập nghĩa, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Lập nghĩa, gồm có:

- Nói về đế và duyên vốn là đại, có hai:

- Nói về thông với đại, có bốn:

Một là y theo chuyên ở Tiểu để hỏi: Nay nói về không của Viên thì làm sao được dùng bốn đế của Thanh văn và Nhân duyên của Bích-chi-phật?

Hai là y theo chung với đại để đáp: Đức Phật nói về Đế và Duyên là che chở có cả Nhị thừa, Bồ-tát của Đại và Tiểu. Vì chúng có ở cả bốn thứ giáo. Như con đường lớn của thế gian, những người nhỏ kém cùng đi chung chứ không nhất định là thuộc người nhỏ bé.

Ba là Hỏi lại tức là ý chung “Thế nào là bốn chữ”.

Bốn là “Niết-bàn v.v...” trở xuống là giải thích chi tiết, có hai:

Một là Nói về đặt tính chung của bốn đế: “Thuở xưa, ta v.v...”: Thuở xưa là lúc còn là phàm phu, vì đối với ba thừa Đức Phật không thấy chân lý của bốn thứ bốn đế nên lại trôi lăn trong sinh tử phần đoạn. Vì văn của kệ chưa hoàn tất nên nay dẫn ra đầy đủ. Do đó, Đại sư chú, “v.v...”. Phàm phu có khổ nhưng không có Đế”: Tuy bị đau khổ dữ dội nhưng lại không cho đó là điều đáng lo lắng, vì họ không nhận biết rằng đó là khổ. Do đó, Thanh văn vừa có khổ, vừa có Đế. Đây là tương đương với sự không hiểu được Vô sinh của ba tạng, cho nên nói là khổ. Vì có thể xét biết nên gọi là Khổ đế. “Bồ-tát v.v...”: Ba thứ giáo là Thông v.v... đều đạt được Như huyễn, đều thoát được khổ, ở chỗ không có khổ. “Nhưng có Chân-đế. Sở của Chương An nói: “Chân là Chân thật, vì vậy, biết chính là hai thứ chân thật của thứ lớp và không thứ lớp. “Chư Phật v.v...”: Quả Phật là Tròn đầy, cùng cực, rốt ráo thật. Qua đó, chúng ta biết rằng trí bốn thứ giáo tuy có cạn, sâu nhưng đều y theo bốn đế. “Sở dĩ v.v...” trở xuống là lại trích dẫn hai thứ bốn đế để giải thích thành hai ý trước. “Nhị thừa v.v...” có hạn lượng: Vì Tạng và Thông chẳng biết Như Lai tạng nên bốn đế được quán sát cuối cùng thành có hạn lượng. Vì Bồ-tát thuộc Biệt và Viên biết được Tạng tánh nên bốn đế được quán sát đều là vô hạn lượng “Nhưng gồm có hạn lượng”: Vì sâu thì chắc chắn biết được cạn. Hành giả Biệt giáo quán lượng và vô lượng theo thứ lớp. Hành giả của Viên quán sát bốn thứ bốn đế trong một niệm.

Hai là “Đại kinh v.v...” là nói về nhân duyên chung với bốn đế: Vì đều quán sát mười hai nhân duyên nhưng do trì có sâu cạn khác nhau nên đạt được đạo Bồ-đề có bốn thứ cao thấp. Ý của bốn trí ở kinh kia là làm sáng tỏ về bốn giáo. Vì vậy, chúng ta biết rằng nhân duyên không thuộc về Tiểu thừa.

Kế là “Lại có v.v...” trở xuống là nói chỉ có Đại, gồm có:

- Nói về vấn đề chỉ là pháp của Bồ-tát, có hai:

Một là Dẫn kinh: “Nho đồng”: Nho tức là Nhân (lòng nhân). Tức là nói đồng tử Nhân, Hiền. “Tập-Ứng”: Tức là tu tập ứng hợp với vô tướng. Bốn đế, Nhân duyên, mỗi loại đều nêu lên đầu và cuối mà đều lược bỏ phần giữa. Vì vậy, Đại sư nói “Cho đến Đế Duyên”. Đã là pháp hẳn là pháp tương ứng của Bồ-tát nên chúng ta suy ra rằng Nhị thừa của Lý sâu không sánh bằng ba loại Thông và Diển. Nay dùng sự tương ứng của Đế, Duyên thuộc Viên giáo mà làm thành Không tuệ ngày nay.

Hai là “Nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc sự chỉ bày.

Kế là Nói về cái thấy cạn cợt của Nhị thừa, có ba:

Một là Nói về Thanh văn: Nếu so với nhân duyên thì tức là dùng bảy chi mà làm chung một thứ khổ, vẫn dùng năm chi làm chung một tập. Lại nữa, Khổ và Tập không chia ra quá khứ, vị lai mà chỉ sơ hiện tại có tính cách chung. Vì căn tính chậm lụt nên Pháp tướng sơ lược chung.

Hai là Nói về Bích-chi-phật: mở ra tướng chung của Thanh văn thành tướng riêng. “Năm của hiện tại”: là Thức, Danh sắc, sáu nhập, Xúc và Thọ. “Hai thuộc Vị lai”: là Sinh và già. Chết là Khổ thuộc tướng riêng. “Hai thuộc quá khứ”: đó là Vô minh và Hành. “Ba thuộc hiện tại”: Đó là ái, Thủ và Hữu. Đây là Tập thuộc tướng riêng. Lại mở rộng ba đời không chỉ có hiện tại. Vì vậy, Đại sư nói “Sơ lược quả và Nhân, trong phần mở rộng có thể so sánh ba thứ”. Như vậy thì ba đời đều có mười hai chi. Vì dùng phước để tài bồi cho Trí nên được quán riêng.

Ba là “Tuy là v.v...” trở xuống là bác bỏ về cạn, có hai:

Một chính là bác bỏ Nhị thừa: Vì ba môn học được tu tập là không vì chúng sinh, không thành tự pháp của Phật nên gọi là tự điều phục, tự độ. Đại luận chép: “Giới của Nhị thừa gọi là tự điều phục. Định gọi là Tự độ, Tuệ gọi là tự thanh tịnh. Duyên giác tuy có chút phần Từ bi nhưng vì không thể làm lợi ích rộng lớn nên cũng gọi là Tự.

Hai là “Cùng Bồ-tát v.v...” trở xuống là so sánh để làm rõ vấn đề Bồ-tát chưa chia ra Quyền và Thật mà chỉ là Bồ-tát khác với Nhị thừa.

Thứ đến là “Nay nêu v.v...” trở xuống là nói về tích và Thể khác nhau, có hai:

Một là y theo cùng ở ba thừa để nói về quán thuộc tích.

Hai là y theo Bồ-tát thuộc không cùng chung để nói về quán thuộc Thể: Thật sự có dứt trừ không là tích, Hữu thuộc huyễn chính là không,

gọi là Thể, các bản văn có nói. Nay nói Hữu thuộc Huyền chính là Trung gọi là Thể, tức là dùng Thật diệt và Không của huyền để gọi là tích. Vì chưa đạt được thật thể của các pháp nên nghĩa của Thể không thành tựu. Do nói rằng các pháp cuối cùng là vô thường nên chỉ là nghĩa của Chiết. Nay nói mỗi pháp trong các pháp đều Thường trụ. Đã thấy được thật thể của pháp nên gọi là Thể siêu việt. Nghĩa đầu tiên chia như sau:

- Giải thích riêng, có hai:

- Y theo Nhị thừa để nói về quán, có hai:

- Phép quán Sinh không, có hai:

Một là Nêu thí dụ để suy.

Hai là “Ngã nhân v.v...” trở xuống là đứng về pháp để xem xét: Vì mỗi loại đều suy về không nên dấu có hợp lại cũng là không. Vì nhóm hợp hư không để làm thành Sắc. “Chính là ấm v.v...” trở xuống là lại xem xét ngay nơi lia khiến khó được.

Kế là “Tuy cầu v.v...” trở xuống là pháp quán không, có hai:

Một là Nói pháp tồn tại: Nói tiếp thí dụ trước để làm sáng tỏ về người không còn nhưng Pháp vẫn hiện hữu.

Hai là “Lại phải v.v...” trở xuống là dùng quán để phân tích, có hai:

Một chính là nói về loại suy Pháp không: Trước khi chính thức xem xét Pháp không thì đầu tiên là phân tích Sắc ấm. Kế đó, “Niệm trước v.v...” trở xuống là phân tích bốn ấm, không có Tưởng và Thọ là vì xếp chúng vào Hành và Thức.

Hai là “Đã không v.v...” trở xuống là kết cả hai thứ không: Tuy có trí nhưng nếu không có cảnh thì trí sẽ tự mất. Vì vậy, cả cảnh và trí đều nói là “Không đạt được”.

Kế là “Chung với Bồ-tát v.v...” trở xuống là lấy Bồ-tát để làm lệ có cả kết: Trước đây nói về quán của tích là Pháp của ba tạng. Vì đối với phẩm này, quán của Thọ thuộc về Viên nên xếp Bồ-tát độn căn của thông giáo chẳng thể nhập Trung, cũng thuộc vào phép quán của tích. Do đó, Đại sư nói “Bồ-tát cũng như vậy”.

Kế đến là “Đó là v.v...” trở xuống là tổng kết vì sao nói tự hành, vì người khác khác nhau” là bởi Bồ-tát Thông giáo đối với hai thứ quả của Nhị thừa mà chia thành hai hạnh.

Thứ đến là y theo Bồ-tát thuộc về không chung để làm sáng tỏ phép quán của Thể, lại có:

Một là Chỉ bày chung về sự khác với trước: Nói khác Bồ-tát không

có nghĩa là Biệt giáo mà là hành giả của Viên khác với Thiên và Tiểu nên gọi là Biệt. Vì thế, Đại sư nói là “khác hẳn nhau”.

Hai là “Như thấy v.v...” trở xuống là nói kỹ về tướng của quán, có:

- Nói về Pháp của thể thuộc về không siêu việt, có hai:

Một là Lập dụ để làm sáng tỏ: Nhưng văn Ví dụ gương mà bóng có lạm với Thông. Người học phải biết là ý của Viên. Thông của có sáu cõi để làm gương và bóng. Biệt và Viên gồm mười cõi để làm gương và bóng. Tuy Biệt là mười cõi nhưng chín cõi là do tu mà thành. Vì tu mà thành là không thật nên giống như gương và bóng. Viên thì biết rằng Tánh đức của mười cõi là sẵn có. Vì sẵn có, đoạt sự tu thành không có công đức nên như gương và bóng. Môn không hai chép: “Nhân của Huyền đã tròn đầy nên quả của gương và bóng tròn đầy. Vì giải như thế nên nói “Huyền thể, Thể chỉ là giải”. Trong gương ngoài gương”: Giải thích do nhân duyên hình thành tức là nắm tay trong gương chỉ cho không thật. Cũng giải nhân duyên thuộc năng thành tựu tức là nắm tay ở ngoài gương chỉ cho tính không thật.

Hai là “Chúng sinh v.v...” trở xuống là đứng ở pháp quán, lại có:

- Nói về Sinh và Pháp đều không, có hai:

Một là nói về quán: Nào là Giả, nào là Thật đều vốn bất sinh. Không thì đều là không.

Hai là “Như đại v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Ngã là Giả nhân, Sắc là Thật pháp. Hai tánh đều là không, Nhân và Pháp chẳng khác nhau. Vì thế gọi là “Như”.

Kế là “Đời nay v.v...” trở xuống là cả nhân và quả đều vắng lặng, có hai:

Một là Nói về quán: Năm thứ quả đã là cái được sinh do nhân duyên nên có thể hợp với nắm tay ở trong gương chỉ cho tính không thật. Hai thứ nhân đã là nhân duyên thuộc chủ thể sinh, có thể hợp với nắm tay ở ngoài gương chỉ cho tính không thật.

Hai là “Văn ở dưới v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Đương thể của Giả và Thật tức là Không, Giả và Trung gọi là bản tánh vắng lặng. Từ Vô thì gắng gương chấp chặt gọi là giả thật sinh ra, gọi là do vô minh nên có. Đã biết nhân diệt thì lẽ nào quả lại không diệt.

Tiếp theo là “Tuy bất v.v...” trở xuống là chỉ bày về trí của ba đế siêu việt. Ngay nơi Không, Giả và Trung mà quán không. Vì chính là không nên chẳng đạt được Sinh và Pháp của sáu cõi. Vì chính là Giả nên không đạt được Sinh và Pháp của Nhị thừa. Vì chính là trung nên chẳng

đạt được Sinh và Pháp của Bồ-tát, Phật. Vì quét sạch hoặc của mười cõi nên cả Cảnh và Trí đều gọi là “chẳng đạt được”. Nhưng có thể xem xét kỹ lưỡng về Sinh và Pháp của mười cõi hai thứ Cảnh, hai thứ trí đều gọi là thông đạt hoàn toàn. Cảnh là Tục siêu việt, vì không có tướng nên không có cái bị nhiễm. Trí là không siêu việt; vì không có duyên nên chẳng có cái để làm cho trong sạch. Vì không nhiễm, không trong sạch là xứng với hợp với tính chất lìa niệm của Bốn nên cả hai bên cùng biến mất, chính thức đi vào Trung đạo tự nhiên cùng soi chiếu.

Kế là kết sự hiển bày ra tròn đầy của ba đế. Ba đức, ba đế khai sáng ngay nơi Niệm. Nếu một là có đủ cả ba. Thể không có thứ lớp, làm sáng tỏ tính chất không trước sau, không giác ngộ mà giác ngộ, gọi là bậc đại giác ngộ.

Kế đến là “Cùng với đó v.v...” trở xuống là tương ứng với thể của kinh: Đức Phật chỉ bày hai thứ không để làm sáng tỏ Thể của Pháp tánh. Nếu không chiếu soi ba đế thì lẽ nào lại xứng với tính chất vô lượng sâu xa của pháp tánh? Vì thế, chúng ta biết sự giải thích của hôm nay tương ứng với Tánh. Tánh này gọi là kho báu Kim cương. Nếu Chiếu soi nghiêng lệch thì đức không có đầy đủ.

Kế là “Đó là v.v...” trở xuống là y theo người để chỉ bày: Vì vậy, chúng ta biết rằng Thể của nay không chỉ là thể không mà phải thể nhập ba đế mới được gọi là Thể riêng.

Kế là “Các Tiểu v.v...” trở xuống là phê bác sự sai lầm về ý của các sư, lại có:

- Chính là bác bỏ sự sai lầm, có hai:

Một là Bác bỏ các sư Tiểu thừa: Hữu môn của Tỳ-đàm nói là giữ Lân hư. Không môn của Thành thật nói là phá lân hư. Dầu là giữ hay phá cũng đều là chia chẻ để diệt hai thứ hoặc là kiến và ái. Người mở mang truyền bá sai lầm về ý nên mỗi môn đều sinh ra quan niệm cố định. Vì khởi lên Kiến và Tư nên thuộc về Đoạn và Thường giống như người ngoại đạo kia hoàn toàn chẳng phải là tích thật sự.

Hai là Bác bỏ các sư Đại thừa: Các kinh Bát-nhã v.v... nói về tất cả các pháp như huyền tức là không. Rốt ráo không này, ba đế lan lợi, các sư không thấu đạt nên giải thích là Đản không. Vì chẳng phải chính là giả nên không thể du hí thần thông. Vì chẳng phải trung nên không thể giải thích về tri kiến của Phật. Vì chẳng phải là cái biết của Phật nên không đạt được ba trí một tâm. Vì chẳng phải là cái thấy của Phật nên chẳng thể có đủ năm thứ mắt. Tuy y theo giáo Lý của Đại thừa nhưng Lý thì ngang với Tiểu thừa. Ở trong Tiểu thừa mà giống

với người phá hoại pháp. Tiến tu thiêu tướng hoại diệt xương người, đã không thực hành quán luyện huân tu thì không cách nào thành tựu được ba minh, sáu thông. “Ba minh”: mắt Trời, Túc mạng, Lộ Tận. Cộng thêm Thiên nhĩ, Tha tâm, Thân như ý thì thành sáu thông. “Nguyện trí đánh thiền”: Vì thiền siêu việt, vô cùng cao thượng nên gọi là Đảnh. Nguyện muốn biết sự việc ba đời, tùy nguyện cho nên biết, được gọi là Nguyện trí đảnh.

Kế là Dẫn kinh để chỉ bày. Thủ là mở đầu kinh. Tụ là cuối kinh. Pháp thân Như Lai tức là pháp thân về mặt quả, Trí và dứt đều có đủ. Nay, dùng niệm hiện tiền của hai thứ không để tìm cầu. Thể của Niết-bàn vô thượng có đủ ba đức. Điều không hai, không khác với pháp tánh tánh của vô lượng sâu xa. Vì thế, cái được giải thích ở đầu và cuối vô cùng sâu rộng.

Tiếp là “Lẽ nào có thể v.v...” trở xuống là kết luận không dùng: Tà kiến của người đời tức là Chấp đoạn của “Cái không ngu si” và Ngoại đạo chấp đoạn. tích của Tiểu thừa tuy là Chính giáo nhưng vì không có phương tiện Bát-nhã nên rơi vào Đoạn và Thường. Thể pháp của Đại thừa tuy trọn vẹn, đầy đủ nhưng các sư chỉ làm cái Thể của thiên không. Nếu đã đồng với phép quán của Tuệ giải thoát ở Tiểu thừa thì làm sao hiểu được không của chính tức Biên?

Kế là “Thiện nữ v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, gồm có:

- Nói về tu tập nhân. Hai không quán Gồm có:
- Y theo khổ và tập để nói về quán không, có hai:
- Sinh không, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, lại có:

- Đối cáo khuyến phát, có hai:
- Giải thích về Thiện nữ, có hai:
- Y theo bốn Tất-đàn để giải thích. Gồm:

Một là Thế giới.

Hai là “Lại nữa, thời v.v...” trở xuống là vì người.

Ba là “Lại nữa, Nam v.v...” trở xuống là Đối trị.

Bốn là “Lại nữa, Phật v.v...” trở xuống là Đệ-nhất-nghĩa.

Kế là “Đó là v.v...” là kết thành nhân duyên. Giải thích về “Nêu quán”.

Kế là “Các pháp v.v...” trở xuống là chỉ cho cảnh ở trên, có hai:

Một là Giải thích các pháp: “Danh mục tuy lược”: Chỉ nói “Các

pháp” tức là đã gồm nhiếp tất cả các cảnh nói ở trên.

Hai là Giải thích về “Như thị”, có hai:

Một là nêu ba nghĩa: “Chính thức nói về quán sát chung”: Hai thứ không quán ở dưới đi qua cảnh của Đế và Duyên để làm sáng tỏ riêng về sự tu tập quán thuộc Không, Giả và Trung. Ba thứ quán này đều được gọi là Cảnh của Đế. Nay, một loại “Như thị” là chỉ bày chung về ba thứ quán. “Có ba nghĩa”. Nêu ở ba pháp, tức là tương đương với nghĩa như của ba quán.

Hai là “Như sự v.v...” trở xuống là chỉ ra và giải thích ba nghĩa, có hai:

Một là Chỉ ra và Giải thích: Tức là chỉ Thượng, Hạ ở trong văn để giải thích tương của ba pháp. Giả tưởng chỉ cho Thượng, hai thứ khác chỉ cho Hạ. Vì cả Thượng và Hạ đều là Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận nên đều chỉ ra là pháp như.

Hai là “Lại nữa, sự v.v...” trở xuống là Dung nhiếp, đầu tiên là Tục, là Trung chân thật. Kế là Trung, tức là Tục chân thật. Sau cùng là Chân, chính là Tục và Trung. Vì dùng ba đức siêu việt làm ba đế nên ba loại này chẳng phải một, chẳng phải khác. Vì Như thị nói là thị nên được gọi chính là giải thích về phép quán chung. Lấy “cũng là một, khác” mà làm các pháp. Đã lấy chẳng phải một, chẳng phải khác làm phép quán thuộc năng quán thì vừa là một, vừa là khác mà là Cảnh thuộc sở quán. Cảnh và quán không hai, cuốn lại và duỗi ra không ngăn ngại nhau.

Kế là “Nơi nào v.v...” trở xuống chính là quán, gồm có:

- Giải thích chung về bốn câu, có ba:
- Y theo hai câu để nói về quán không, có hai:
- Giải thích câu đầu tiên, có hai:

Một là đứng ở năm ấm để quán: Nói “chỉ ra” tức là đã dùng “Như thị” để chỉ bày chung về ba phép quán. Nay vì dùng bốn câu để chỉ bày ba phép quán nên đều nói là “chỉ ra”. Nay vì xem xét không có nghĩa của Người nên tương xứng với lý quán.

Hai là “Lại nữa, Quả v.v...” trở xuống là quán nhân quả.

Kế là “Người đã v.v...” trở xuống là điển hình câu tiếp theo.

Kế nữa là “Bản tánh v.v...” trở xuống là y theo câu thứ ba để nói về trung quán: “Chẳng lấy Bản tánh làm chủ thể quán”. Tức là chẳng phải Trung quán. Nghĩa là tất cả các pháp chẳng phải Lý, chẳng phải Sự gọi là bản tánh. Vì, chẳng có riêng nên Pháp Hoa nói rằng: “Từ xưa đến nay, tự thân các pháp thường là tướng vắng lặng”. Bát-nhã tán

chép rằng: “Pháp giới bình đẳng chân thật. Phật không độ chúng sinh”. Vì vốn chẳng có Vô minh thì lẽ nào lại có chúng sinh? Vốn chẳng có Không tuệ thì lẽ nào lại có Phật? Đã không có chúng sinh và Phật thì làm gì có cái gọi là Độ. Chẳng phải pháp, chẳng phải lập, Song Phi cũng mất gọi là Vốn vắng lặng.

Tiếp là “Vô minh v.v...” trở xuống là y theo câu thứ tư để nói về Giả quán, gồm có:

- Do mê mà lập, có hai:
- Chính là giải thích, có hai:

Một là y theo trực tiếp của Sự và Lý để giải thích: Tuy các pháp tức là bản tánh vắng lặng nhưng do có tánh nhiễm nên khởi lên ô nhiễm thuộc về sự. Do phá nhiễm thuộc Sự nên lập ra không Tuệ. Vì muốn làm tiêu mất cả nhiễm và Tịnh nên lập ra tức Trung. Thuốc và bệnh này đều do Vô minh.

Hai là “dùng hữu v.v...” trở xuống là y theo mê ngộ để giải thích: Sinh và Pháp là sự thành tựu của quả. Vì hoặc nghiệp nên Đại sư nói rằng “Vì có Vô minh v.v...”. “Đã có v.v...” trở xuống là muốn không hóa cả Sinh và Pháp thì phải nói về ba phép quán. “Giúp cho phép quán thuộc về Sự”: Sự thuộc giúp đạo là phép quán thuộc về Tướng. Tức là Bất tịnh, Lưu dật v.v... Cái giúp cho chính đạo đó tức là phép quán kế Lý của hai thứ không. Tu tập cả hai thứ Chính và Trợ là để làm sáng tỏ một tánh. Vì thế, Đại sư lập ra phép quán chẳng phải Sự, chẳng phải Lý. “Sự đó v.v...” trở xuống là dùng ngày nay để biết về ba mà nghiệm ra rằng Vô minh là sự không biết, thuộc về Sự. “Cả ba đều là Sự”: Tức là ở sự tu tập. Môn không hai chếp: “Tuy tu đủ cả chín”.

Kế là “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Vì bệnh thật sự của chúng sinh mà sinh ra bệnh quyền biến của Bồ-tát. “Thị hiện ý của bệnh”: Tức là vì muốn nói về thuốc của Pháp.

Kế nữa là “Nếu biết v.v...” trở xuống là do ngộ mà điều tiêu mất: Nếu biết không bị bệnh thì dùng ba món thuốc để làm gì. Đó là ý tiêu mất của phẩm Không.

Lại nữa, “Nhưng Ngã v.v...” trở xuống là giải thích riêng về câu thứ nhất, lại có:

- Nói về sự chấp thuộc Người là cái được phá, có hai:

Một là Chỉ bày chung về tướng Ngã: (Ngã) là pháp đầu tiên trong năm trụ, là chủ của ba cõi. Nếu người phá được Ngã thì dù có khởi lên kiết sử đi nữa cũng không đọa vào bốn đường. Vì vậy, Đại sư nói “Sâu nặng”. Tiểu thừa, Đại thừa đều quý trọng Vô ngã. Nếu không dứt trừ

Ngã thì Thánh hiền của bốn giáo đều không có đường nhập vào. Vì vậy, Đại sư nói: “Chướng lớn” “Phàm phu v.v...” trở xuống là nói về chỗ sinh khởi Ngã: Đầu tiên là cùng khắp sáu tác, kế là cùng khắp sáu độ.

Hai là “Nếu nhóm họp v.v...” trở xuống là chỉ bày riêng về lợi độn, có hai:

Một là Độn: “Bám vào di thể của kẻ khác để khởi”: Đó là hoặc thuộc Câu sinh. Cùng sinh ra với thân gọi là hoặc Câu sinh. Như các loài bò bay máy cựa thật sự không tìm tòi về Lý nhưng vẫn giương cang, vểnh râu, trợn mắt tự cho là vĩ đại. Thấp bé, phàm hèn vì sao lại thường chấp cái thấy. Đi, đứng, ngồi, nằm đều khởi tâm Ngã. Vì lúc nào cũng tự khởi nên gọi là Sơ độn.

Hai là “Nếu chấp v.v...” trở xuống là lợi, có hai:

Một là nói về Lợi thuộc một: “Khởi chấp thuộc pháp trần”: Tức là hoặc thuộc phân biệt. Vì đối với ý căn nên gọi là Pháp trần. Vì phân biệt nên sinh ra loại hoặc thuộc mê lý. Đây gọi là Lợi sử. Sơ quả của Tạng, Kiến địa của Thông, Sơ trụ của Biệt và Sơ tín của Viên, đều dứt trừ loại hoặc này.

Hai là nói về tướng trạng, gồm:

- Nói sơ lược về mười Sử, có hai:

- Chính là giải thích về tướng của Sử, có hai:

Một là nói mười là Cành, Lá: “Chấp một pháp”: bất luận là Tà, Chánh, Đại, Tiểu, Thiên, Viên, nếu chỉ chấp một câu tức là sinh ra mười sử. Năm thứ Sử trước là Lợi, năm thứ Sử sau là độn, tức là độn ở trong lợi.

Hai là “mười sử v.v...” trở xuống là nói Ngã là căn bản.

Kế là “Dầu làm cho v.v...” trở xuống là chỉ bày cả về nhân, có hai:

Một là Nói về có đủ loại tuệ của tà thiên: Trường Trảo tức là Câu-hy-la, là cậu ngài Thân tử. Vì siêng nang học hỏi đến nỗi không rảnh để cắt móng tay nên người đương thời gọi Phạm chí Trường Trảo (Móng tay dài). Ông ấy là người có căn tánh lạnh lợi và là bậc cao hiển nhất trong số những người ngoại đạo nên kinh nêu ra. “Diệp phúc” (Bụng có che lá sắt): luận Kim Thất Thập nói: “Trong số ngoại đạo của Ưu-lâu Tăng khư có một người đứng đầu đến nước kim địa. Đầu ông ta đội thau lửa, bụng quấn lá sắt để luận nghị với Tăng”. “Hỏi vặn về đá”: Đại luận quyển hai mươi sáu chép: “Tát-già Ni-kiền-tử vặn hỏi người” v.v... cho đến “Cây, gỗ, ngói, đá chảy mồ hôi v.v...” “Đến Phi tướng”: Như Uất-đầu-lam-phát vì đã đến Hữu đánh nên gọi là “Sắp ra”. Vì bị

đọa vào loài chồn bay nên gọi là “Lại quay trở lại”.

Hai là “Như thế v.v...” trở xuống là nói về vấn đề chẳng thể phá Ngã: Còn chẳng phải là nội phạm của Tiểu thừa thì lẽ nào lại ngang với sự phá hủy Ngã của hàng Sơ quả. Hai Lại nói đầy đủ về Ngã kiến: Đó là, tức Sắc là Ngã, lia sắc có Ngã, Ngã lớn sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã. Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc; Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như vậy. Mỗi loại ấm trong năm ấm đều có bốn thứ Ngã kiến nên có hai mươi Ngã kiến.

Kế là “Nếu một v.v...” trở xuống là nói về không tuệ thuộc năng phá, có hai:

- Nói chung về Không tuệ, có hai:
- Đứng ở lập trường cảnh và trí để nói về Sinh không, có hai:
- Chỉ bày riêng, có hai:

Một là tìm ở Cảnh của ấm. Lại đứng ở bốn câu gồm: tức là ấm, lia ấm, Trung ấm có Ngã, trong Ngã có ấm để tìm kiếm: “Ngã đó không đúng”: Tức là Phép quán thuộc năng phá. Y theo sự phối hợp của nghĩa thì phải nói là cùng khắp hai mươi loại. Vì năng thể quán là tâm ở bên trong. Vì thế, ấm thuộc sở quán gọi là Cảnh ở bên ngoài chứ chẳng phải là thân khác.

Hai là “Nhưng chúng v.v...” là nói về sự kiểm chứng của trí quán sát: năm ấm thuộc sở quán sát đã lập ở năm thì trí thuộc chủ thể quán tự nhiên mà thành năm. Mỗi ấm trong năm ấm đều có bốn thứ trí thì lẽ tất nhiên là sẽ chấp đắm Ngã. Vì thế, hành giả cũng phải phá cả hai mươi thứ thân kiến.

Kế là “Trong và Ngoài v.v...” trở xuống là tổng kết: Lấy Số để làm sáng tỏ quán khiến cho Trí không mất đi.

Kế tiếp là “Tỳ-đàm v.v...” trở xuống là y theo Đại, Tiểu để quán về người và Pháp, có ba:

Một là Tỳ-đàm: “Ngã kiến là nhân của Cộng v.v...” Tức là Cộng nghiệp, Biệt nghiệp. Hợp lại có bốn câu, nói sơ lược thì “Cộng v.v...” là Hữu môn, nói về sự tìm cầu Ngã ở trong ấm. Ngã thì không, ấm lại có; Ngã và Pháp chia ra hai. Vì vậy, ngã kiến suy nghĩ trước sau mà khởi. Ngã tức là chúng sinh. Tư là Thật Pháp. Vì thế, ngộ được Sinh không nhưng chưa được Pháp không.

Hai là Thành thật: Không môn này nói về vấn đề nhóm họp ấm mà thành Ngã. Vì thế, Ngã kiến suy nghĩ khởi lên Thời của không khác. Do đó mà Ngộ cả Sinh không Pháp không.

Ba là Đại thừa: “Ngã kiến có đủ các pháp”: Tục tức là Trong chân

thì pháp nào chẳng có. Tánh của Ngã như Tánh của Sắc, Sinh không tức là Pháp không.

Kế là “Phá hai v.v...” trở xuống là nói riêng về ba quán: Đã nói “Ngã kiến có đủ các pháp” hợp với ba đế mà phá Ngã kiến. Cho nên Đại sư dùng ba câu ở trên để phá, có:

- Chính là phá Nhân ngã, có ba:

Một là y theo Lý quán để kiểm chứng.

Hai là “Nếu làm v.v...” trở xuống là y theo chẳng phải Sự, chẳng phải Lý để kiểm chứng: Ngã kiến tức là Trung thì lẽ nào lại lưu giữ bốn mươi chấp thuộc Cảnh và Trí.

Ba là “Nếu làm v.v...” trở xuống là y theo Sự quán để kiểm chứng: Vì Văn kinh đã nói là “Vô minh”, cho nên kẻ có tâm ái chấp mạnh thì phải thực hành quán giúp đạo Bất tịnh. Quán tà kiến, tâm ác là ấm bản ác. Nếu là người có tâm lành, thẳng thắn thì hổ thẹn với Nghĩa thiện của bậc Thánh nhập vào phương tiện vị, chưa hiểu rõ Chân lý là làm ẩn tàng, chìm mất ấm. Thiện ác tuy khác nhau nhưng điều chứa phá được kiến thì lẽ nào lại có cái tâm của kiến không y theo Sắc? Vì sắc sẽ bại hoại nên Đại sư nói là “Bất tịnh”. Cảnh Bất tịnh thì nơi nào mà gọi là có Người. Nghĩa vị phương tiện của nay tương xứng với năm phẩm.

Kế là “Nếu đạt được v.v...” trở xuống là lại tìm về Ngã, Pháp, có hai:

Một là nói về được ngộ, tìm kiếm Pháp để phá Tư: Tuy quán tu tập viên mãn nhưng hoặc thô thiển thì lại có các hoặc không trừ. Nếu dùng ba quán để xem xét quả thì khó đạt được. Người dứt được kiến hoặc thì đi vào Sơ tín. Kẻ lại ở nơi ba đế mà tu tập hai mươi quán thì phá được Pháp Chấp tức là tư hoặc. Từ vị Nhị tín mà tiến đến Lục tín.

Hai là “Nếu chưa v.v...” trở xuống là nói về chưa ngộ thì tìm Pháp để phá kiến, như sau:

- Chuyển sang Chấp Thật pháp, có hai:

Một chính là nói về Vượt mà đi vào: Phép quán siêu việt phá trừ kiến nhưng chưa trừ kiến hoặc. Tuy chưa trừ được kiến nhưng sự quán sát đã có sức mạnh nên điều phục được ái hoặc đối với giả danh như Ngã chấp vượt mà nhập vào Thật pháp.

Hai là Dẫn kinh và sự việc: “Trùng khuất bộ”: Phải do chân trước đời được chân sau mới giả gọi là phục. Hoặc lại khởi kiến đối với Thật pháp như con trùng kia.

Kế là “Phải thật v.v...” trở xuống là khuyên lại tu về quán: nên thực hành hai mươi quán ngay nơi năm ấm để làm sáng tỏ bản tánh của

ngã, làm cho không tuệ sáng ra. Tùy độ đi vào xứ để quán theo gọi là “Thực hành khắp nơi”.

Kế nữa là nói về Pháp không, gồm có:

- Y theo văn kinh để giải thích về sự thành tựu ba quán, có hai:

- Chính là giải thích, có hai:

Một là Lập ý chia văn: Ngã kiến chính là có đủ các pháp thì lẽ nào quán về Sinh không mà lại chẳng hóa thật pháp. Vì hạng độn căn chưa hiểu nên nói nay nói lại.

Hai là “Như thị v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, lại có:

Trước là nói về ngay nơi pháp là không, có hai:

Một là khi thì về Cảnh và Quán.

Hai là “nếu bốn v.v...” trở xuống là nói về tu quán, gồm:

- Đứng ở pháp để nói về không, có hai:

Một chính là nói về Không: Đuổi theo một để tìm cầu sự kiểm chứng. “Không nên động v.v...”. Đất động thì thành tánh của gió. Hơi nóng thì thành tánh của lửa. Sử ký nói: “Dương tiềm phục nên không thể phát ra. Âm ép ngật nên không thể bốc lên, do đó mà có động đất”. Chú: “Chứng tức là bay lên”. Mùa Đông tức là hơi nóng ở trong đất. Vì thế, Lễ Ký nói: “Người xưa vào mùa Hè thì làm tổ, mùa Đông thì làm hang”. Núi vững chắc thì thành tánh của đất, vì sóng động nên thành tánh của gió. Trinh tức là bền chắc. Tro lửa bền chắc thì thành tánh của đất. Chạm vách rồi ngừng thì thành tánh của nước.

Hai là Dẫn kinh để chứng minh: “Tánh của nước không dừng trụ”: Tức là không giữ ấm thấp. “Lửa từ duyên mà sinh”: Đã nương duyên mà sinh thì chẳng thể giữ tánh nóng của nó. “Tánh của gió là không ngăn ngại”. Vì không ngăn ngại nên không thể giữ sự chuyển động của nó. “Mỗi một v.v...” trở xuống là vì bốn đại đều không có bản tánh nên đều đi vào bờ mé của như thật. Hai giáo trước lấy không làm như thật. Hai giáo sau lấy Trung làm Như thật. Nay lấy Thật tế của Trung thuộc Viên làm chính.

Kế là “Kiểm chứng phần trên v.v...” trở xuống là đối với Sinh để giải thích về quán.

Hai là “Vốn tự v.v...” trở xuống là nói về ngay nơi Pháp là Trung, như sau:

- Pháp của hai câu vốn tựa Trung, có hai:

Một là giải thích về tánh không sinh diệt: Vì trung đầu tiên chưa chia ra ba làm sáng tỏ đối với Tánh là Trung đạo. “Vốn không có bốn

đại”: Tức là chẳng phải nói rằng chỉ có một mà hoàn toàn không có bốn đại. Bởi vì cả Đại và ấm đều là Như Lai tạng. Vì tánh thể thường trụ, vốn không có tướng sinh nên gọi là “vốn không”. Đã chẳng có pháp Sinh thì sẽ hội hợp với cái gì để gọi là hòa hợp và không hòa hợp. Vì thế nên không thể tan rã, hoại diệt. Do vậy mà chẳng nói về không. Nghĩa của sự bàn luận về Trung như vậy được sáng tỏ.

Hai là “Vốn tự v.v...” trở xuống là nói rằng chẳng phải do quán mà khiến được như vậy: Tướng của thế gian xưa nay vốn thường trụ thì lẽ nào lại dùng trí của quán để chấm dứt sinh diệt, sau đó mới có bất sinh diệt? Đó được gọi là ngay nơi sự là Lý. Cũng gọi là ngay nơi Biên mà là Trung.

Kế là Ba câu làm sáng tỏ do quán để giải thích, có hai:

Một chính là chỉ bày: Tánh tuy vốn vậy nhưng muốn dứt mê thì phải nhờ quán. Sở dĩ nói tánh của Nhân duyên là bởi Dục là nhân, thầy và giáo là duyên. Nhân duyên thành quán đạt được ba đế thuộc bản tánh. Các Đại tức là Không, Giả và Trung. Vì, Từ xưa đã bất sinh.

Hai là Dẫn chứng: Vô minh chuyển liên biến thành minh, gọi là đèn Bồ-đề. Nếu không nhờ năng lực của nhân duyên cảm ứng thì lẽ nào lại dứt trừ Vô minh? Vì thế, chúng ta biết rằng thành Phật hoàn toàn do mượn nhân duyên.

Kế là “Hòa hợp v.v...” trở xuống là nói về ngay nơi pháp là giả, có hai:

Một là Thành sự trái với lý.

Hai là “Pháp đó v.v...” trở xuống là thành sự tu tập thuộc về chiếu soi tánh: “Vì pháp đó có”: Tức là nhân quả của mê mờ đối với hoặc, “Thể có v.v...” Là ba đế. “Tức là Không v.v...” trở xuống là ba phép quán. Cảnh và Quán đều do sự hòa hợp của nhân quả thuộc sự mê mờ đối với hoặc mà có.

Kế là “Ba quán v.v...” trở xuống là kết về quán: Ba đoạn văn kinh hợp với ba quán. Biết Tông chỉ của ngày nay khế hội với tâm của Phật thì lẽ nào chúng ta lại không tin?

Tiếp theo là “Lại thực hành v.v...” là vì hạng độn căn mà lại phá về pháp chấp: Trước đây, lúc giải thích về Sinh không đã nói về vượt mà nhập vào Thật pháp. Có thể hạng lợi căn hiểu nhưng sợ rằng kẻ độn căn vẫn còn mê mờ, cho nên Đại sư lại lấy Vô duyên từ để nói lại về tướng của chúng, như sau:

- Nói về Pháp chấp, có hai:

- Dựa vào Báo để khởi tâm ái kiến, gồm có:

Một là Y theo Đại và ấm để khởi lên bốn chấp: Tất cả ngoại đạo và hành giả của bốn chấp này.

Hai là “Bốn chấp v.v...” trở xuống là do bốn Chấp mà sinh ra thì cả bốn thứ đều thuộc về Hữu. Kiến đã y theo Sắc thì sự hòa hợp tương đương với chính là lia, Sắc ngã, Ngã sắc. Kiến y theo bốn ấm tức là cũng như vậy.

Ba là “Ngã sinh v.v...” trở xuống là y theo Ngã kiến mà sinh ra mười sử. Như trong “Sinh không” nói bốn phương chiêu cảm trở xuống là nhân mười sử mà cảm với sinh tử. Dầu y theo Đại và ấm thuộc tánh cụ của Viên giáo để khai mở bốn môn đi nữa, nhưng nếu ai chấp đấm một cửa mà sinh Ngã kiến, khởi hoặc tạo nghiệp chiêu cảm khổ ở vị lai thì chẳng khác gì sinh tử của ngoại đạo kia. Đại sư chính vì hành giả đương thời mà trình bày về bốn chấp.

Kế là “hoặc, đó v.v...” trở xuống là chỉ cho tâm của kiến gọi là ấm ô uế. Năm ấm này đều trở thành kiến chấp. Vì thế, tất cả đều ô uế. Nhất định quy về Hữu thì lẽ nào lại là Pháp không?

Kế là “Tâm không v.v...” trở xuống là nói về không quán, có ba:

Một là Nói về không y cứ là quên bốn chấp, tức là tâm không y theo ấm. Bốn giáo cũng như vậy. Nay nói về Tông chỉ của Viên để luận về không y cứ. Tức là ấm bản đơ là trí thuộc chủ thể quán. Như thế thì có ấm nào để y cứ, có chấp nào để phá và ai là chủ thể quán, đồng thời cũng không có điều được nguyện. Vấn đề tâm không y theo ấm nay lược nói.

Hai là “vãng lạng v.v...” trở xuống là nói rằng khế hợp với Lý thì có các đức: Ba thứ Bát-nhã cùng với ba thân của Mâu-ni ở Kim quang minh là chẳng hai, chẳng khác. Nếu chẳng dùng ba loại Bát-nhã ấy để làm ba loại quán thì không cách gì thấy được.

Ba là “Hành giả v.v...” trở xuống là nói loại quán ấy nhanh chóng phục hồi căn bản. Quán Sinh và Pháp đều dùng ba quán một niệm để quán là cũng như ôm ngọc, khôi phục lại lý của Pháp tánh thuộc Kim quang minh giống như hương về đất nước cũ. Trong hai thứ ba đời có thể bước lên Trụ của Viên, có thể dùng để bảo nhậm.

Kế là nói về Nhị không quán là sinh và Pháp thuộc mười hai nhân duyên, lại có:

- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn: mười hai chi này chia ra Sinh và Pháp là vì thuận theo văn kinh ở đây. Chi đầu tiên đã gọi là Vô minh thì vì danh tức là giả danh nên thuộc cảnh của Sinh. Vô minh tức là Ngã chấp. luận Khởi

Tín nói: “Chấp đấm tướng danh tự”. Từ đây trở xuống là chỉ trực tiếp cho Sắc và Tâm. Vì từ Hành đến già và chết đều không ra khỏi Sắc và Tâm của năm ấm. Vì tuy nghĩa đã rõ nhưng vẫn sợ người học không tin nên Đại sư dẫn Thích luận theo từng đoạn để chứng thành ai là người già, chết. Nếu hỏi rằng “Ai? “thì đáp là “Tôi”. Vì thế, chúng ta biết rằng cả Ai và “Tôi” đều là giả danh. Kinh nói “Gọi là v.v...” thậm hợp với luận. Luận đã gọi là Sinh không thì lẽ nào kinh lại không như vậy? Như thế, cái gọi là già chết đó tức là chỉ ngay cho Sắc và tâm, là Pháp của già và chết. Kinh chẳng nói là Danh cũng hợp với luận.

Hai là “Nhưng mười v.v...” trở xuống là lập ý, lại có:

- Phân biệt chung về tướng mạo nhân duyên, có hai:

Một là Nêu lên.

Hai là “ba đời v.v...” trở xuống là giải thích, có ba:

Một là ba đời. “Quá khứ phá thân thường”: Vì quá khứ đã diệt nên không thường trụ. Ở “Hiện tại phá thân ngã” Vì năm thứ quả đều do sự hòa hợp của năm ấm nên không có ngã. “Vị lai phá thân đoạn”. Vì vị lai có quả nên chẳng phải đoạn diệt. “Đều nói là Thân”: Bên ngoài chấp thân, “thần có Đoạn, Thường v.v...”. Vì ý nghĩa của ba đời này thế gian đều truyền bá. Đại sư nói: “Người thường sử dụng”.

Hai là Quả báo: Vì mười nhân duyên trước thuộc về hiện tại, hai nhân duyên sau thuộc vị lai. Hai đời hợp lại thành mười hai. Nhưng, vẫn nói: “Khởi đầu và cuối cùng của một kỳ hạn”. Lại y theo Vô minh, Hành tại thời điểm khởi đầu của một kỳ hạn, vì theo nhau nên nói là “Khởi đầu và cuối cùng chứ không phải chỉ nói “Ở trong một đời”. Nhân duyên thuộc quả báo này xuất xứ từ kinh Đại tập. Bởi vì, ở thân Trung ấm, đối với cha mẹ mà sinh tâm tham ái là Vô minh. Hơi thở ra vào là Hành. Từ chi Thức trở đi nghĩa giống với ba đời.

Ba là Một niệm, có:

Một là Giáo lý được y cứ.

Hai là “Như nhãn v.v...” là nói về Hành tướng, có hai:

Một chính là giải thích về tướng, có hai:

Một là Đối với Trần để giải thích trực tiếp: “Sáu Xứ sinh tham”: Vì Nhãn thức ô nhiễm nên âm thầm lôi kéo các thức đều có tâm tham. Do đó, Phổ Hiền quán nói: “Vì tham mùi thơm nên các thức phân biệt, chỗ nào cũng đều nhiễm trước”. “Một ngày v.v...” Một căn đối trước trần liền khởi lên mười hai nhân duyên. Sáu căn nối nhau đối trước trần suốt cả ngày đêm thì có niệm nào mà không khởi lên mười hai nhân duyên. Mỗi nhân duyên thành nhân thì tất cả nhân duyên đều vởi lấy

quả. Xoay lăn như bánh xe, trói buộc như lưới.

Hai là “Nay lại v.v...” trở xuống là lại tìm về sự sinh khởi của nhân: “Phép quán của nhân duyên có cả cả ba đời”: Ý suy tìm Vô minh của quá khứ là nhân sinh ra quả hiện tại. Trên quả hiện tại lại khởi nhân của hoặc. Vì Đại sư muốn Vô minh không khởi ngay bây giờ nên tìm hai nơi khởi lên tướng Vô minh là quá khứ và hiện tại. Văn gồm có hai:

Một là nghịch suy nhân của quá khứ: “Từ Danh và Sắc mà khởi”: Tức là vì đầu tiên của năm loại quả, vì năm ấm đã có đủ. Vì Chi Thức chưa có đủ năm ấm nên không nói. Cùng cực của nhân quá khứ là ở Vô minh. Nay quán Vô minh là ý muốn làm cho quán trở thành loại tri giác ngộ hoàn toàn. Nhưng, nói rằng Vô minh chắc chắn là có, v.v... thì trí thuộc chủ thể phá lại chuyển thành Vô minh, thuốc trở thành bệnh. Vì vậy, Đại sư nói “Chấp đấm bốn câu đều là Vô minh. Lẽ nào Vô minh làm duyên mà lại không sinh ra Hành, Thức ư? “Như nói ở trước”: sáu nhập đến già, chết đều đã được nói như văn ở trước chỉ bày trực tiếp.

Hai là “Lại nữa, quán v.v...” trở xuống là thuận quy về quả hiện tại: “Đối với thọ v.v... đó”: Vì Chi Thọ là chi cuối cùng của năm quả. Vì vậy mà hành giả quán đến đó. Nếu sinh tâm chấp đấm thì thành ra một niệm mười hai nhân duyên. “Hoặc có Thọ v.v...”: Tức là tâm Vô minh không hiểu biết. Các chi Hành, Thức v.v... một niệm thành tựu.

Kế là “Như thế v.v...” trở xuống là than rằng khó biết: Tuy suy tìm, xem xét Nghịch thuận là ở một niệm nhưng mười hai chi của Nghịch thuận tự nhiên có đủ. Vì thế mà cành ngọn hiện hữu khắp các hữu giống như đại thọ còn không thể biết hướng chi là có thể chặt? Nói “Đại thọ” là: Bà-sa nói: “Hai chi của quá khứ là rễ, năm chi của hiện tại là Chết, ba chi ở hiện tại là Hoa, hai chi ở vị lai là Quả”. “Bố quán”: Văn tuyển chú: “Bố quán” là đáng vẻ dài và nhiều. “Từ” là nói từ nước mà cùng thông suốt. Hán Thư nói: “Bố quán giống như bố lộ, tức là chỗ thiếu sót thì đều bày ra”.

Tiếp là “Kinh nay v.v...” trở xuống là chỉ bày sơ lược về Cảnh Quán của kinh nay, có hai:

Một là Nói về ý của kinh: “Chỉ nêu Sinh và Pháp làm cảnh”: Tức là dùng Vô minh của giả danh làm cảnh của Sinh không; dùng Hành, Thức, Sắc, Tâm, v.v... là cảnh của pháp không. Hai cảnh của Nhân duyên này có cả cả bốn thứ giáo quán. Ý của nay là ở Viên.

Hai là “Nhân dùng v.v...” Là chỉ bày về Cảnh và Quán, có:

- Chỉ bày về Cảnh, có hai:

Một là Lập dụ.

Hai là Pháp hợp: “Đính mắc vào Giả danh”: Không đạt được ba đế mà khởi lên cái chấp luống dối về Ngã; Giống như xoay đầu cây nhang thành vòng tròn. Vì thế, Đại sư nói là “Không dừng nghỉ”. Vòng tròn do lửa mà có. Và, giả danh do thật pháp mà có. Vì mê tối nên không thấu đạt rằng Sắc tâm tức là Không, Giả và Trung gọi là mê mờ đối với Ấm và Nhập. Nói “Lửa củi” tức là nói về tàn lửa.

Kế là “Nếu biết v.v...” trở xuống là chỉ bày về quán, có hai:

Một là Lập dụ.

Hai là “Vòng lửa v.v...” trở xuống là hợp Pháp: Quán sinh, quán pháp đều là Không, Giả và Trung, tức là Nhị không quán của vòng lửa, cả hai đều không.

Kế tiếp là “Sinh không v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, như sau:

- Nêu ra tướng của cảnh, có hai:

- Cảnh của sinh không, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích về nghĩa, lại có:

- Dùng ba phép quán của Sinh không ở trước để giải thích nghĩa.

Vì thế, Sơ không có lời văn.

Kế là “Hành thức v.v...” trở xuống là cảnh của Pháp không: “Theo lệ chung thì lẽ ra có ba loại”. Hành chính là Không, Giả và Trung cho đến già chết chính là Không, Giả và Trung. Vì lời nói của Phật khéo sơ lược, so với trước thì có thể nhận biết.

Kế nữa là “Các thứ khổ v.v...” trở xuống là đưa ra tướng của quán, có:

- Y theo văn kinh để chỉ bày về quán, có hai:

- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Chỉ văn.

Hai là “Các thứ khổ v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa, có ba:

Một là Nói về Trung quán: “Hành nghiệp của các thứ khổ” là chỉ cho Sinh và Pháp ở trên. Vì thể hiện tiền siêu việt nên không thể nghĩa bàn. Cả Sinh và Pháp đều chẳng phải là Không hay Hữu. Thấu đạt được như vậy gọi là Trung quán. Loại quán này không thấy sự trôi lăn của sinh tử là có bờ mé. Có lúc dừng nghỉ. Vì sinh tử chính là pháp giới nên không có bờ mé. Vì sinh tử đều là thường trụ nên không dừng nghỉ.

Hai là “Vốn không v.v...” trở xuống là nói về quán Không.

Ba là “Không khéo v.v...” trở xuống là nói về quán Giả: Sự không

khéo suy nghĩ ở trước tức là hai chi của quá khứ. Sự không khéo suy nghĩ ở đây tức là ba chi của hiện tại. Kinh, “tâm hành”: Tức là suy nghĩ ở trên. Nay là nêu bệnh thì tất nhiên là phải đối với thuốc. Nhờ vậy mà quán Giả được sáng tỏ.

Hai là “Tuy gọi v.v...” trở xuống là kết khuyến, danh thì nghiêng lệch nhưng nghĩa thì trọn vẹn: Danh thì chỉ nói là không, nhưng nghĩa lại là chính là Không, Giả và Trung, vì nghĩa đã nhất định tương xứng nên Đại sư nói là khế hợp một cách tự nhiên với kinh. Danh và nghĩa của sinh không, Pháp không đều như vậy. Vì thế, Đại sư khuyên người tu nên chấm dứt nghi tình. Nhưng phải biết rằng toàn bộ kho bí mật là Sinh, là Pháp. Vì thế, Sinh và Pháp đều là ba đức. Do vậy, Hành giả quán chủ thể và đối tượng của Sinh và Pháp đều là ba đức. Tên gọi của cảnh và quán tuy khác nhau nhưng thể của chúng là một. Bởi thế, hai của chủ thể và đối tượng tức là chẳng phải hai. Đó là quán Nhị không của kinh này.

Kế là vì người căn tánh độn mà nói lại, có hai:

Một là Đặc biệt chỉ bày về quán không, có hai: Riêng chỉ cho Giả và Trung. Bởi vì, người Sơ tâm đối với Giả thì gọi là Thật pháp. Khởi kiến và ái càng mạnh, việc chướng đạo lại nặng. Do vậy, Đại sư đặc biệt trình bày về quán không mà không nói về Giả và Trung. Đây giống với ba con đường của quán và giải trong phần giải thích tựa đề. Chánh quán của chánh quán thì chỉ nêu danh mà thôi. Nhưng, đối với ba độc, sáu tác của Giả và Thật thì lần lượt phá hủy bốn tánh, từng bước hiển bày hai không. Bởi vì người mới thực hành tinh tấn càng dày nên Đại sư chỉ bày về Chân không để làm yếu thuật. Văn đầu tiên gồm có:

- Chỉ bày, có hai:

- Suy tìm về Nhân và Pháp, có hai:

Một là Suy tìm về Nhân. “Nếu Giả danh v.v...” trở xuống là đối với Thật pháp mà xô dẹp không có bốn tánh. “Nay v.v...” trở xuống là bốn tánh bị xô dẹp, sự chấp đắm có mỏng đi đôi chút. Chỉ gọi là Giả danh nhưng lại phải đối với bốn tánh mà xem xét sự khó được của bây giờ. Nhân thuộc đối tượng được chiêu cảm đã không có tướng sinh thì bốn tánh của danh tự thuộc chủ thể chiêu cảm cũng biến mất. Ý nghĩa của sự chỉ bày sơ lược về Nhân chẳng phải như vậy.

Hai là Quán pháp, có hai:

Một là Suy tìm rộng: dùng danh sắc hiện tại so sánh với nghiệp của nhân thuộc các Hữu đã được tạo ra từ vô thủy là không có hạn lượng. Vì không có sự gột rửa của hoặc nên không thọ thân đời sau. Do đó,

Đại sư nói là “bất sinh”. Mỗi việc đều có v.v... “Như hòa hợp hai cái không thì lẽ nào lại sinh ra một Sắc”?

Hai là “Đã không v.v...” trở xuống là suy tìm theo chiều dọc: Cái chấp do quan niệm về pháp giống như sự xả bỏ

Một là nắm lấy một của con trùng gập chân. Vì sinh bị phá nên liền chấp vô sinh. Như vậy cũng là tánh chấp. Chấp Song diệp và Song phi cũng đều y theo Sinh. (Sinh) đã không có Lý lại chấp là Diệt, cũng thành bốn Chấp. Tám câu trên đều nói rằng “Bất đắc” tức là quán Không. “vô diệt vô sinh”: Kiểm chứng về Diệt và Sinh đều không có mới được gọi là Vô sinh của Thật pháp.

Hai là “Vô sinh v.v...” trở xuống là nói về sự thành tựu của quán, có hai:

Một là Nói về sự vắng bật của hai chấp, chấp ấm thành người. Vì thật sự vô sinh nên giả danh thì hoại. Đối với Giả Vô ngã, các kiến đều mất. Thật đã không có nhân thì làm sao không hoại được?

Hai là “Đã không v.v...” trở xuống là nêu hai ví dụ để chỉ bày: “Không nhen lửa dụ cho không chấp pháp không có khói dụ cho Thật pháp bất sinh. Múa trong mặt trời dụ cho không Tâm nắm lấy Pháp. Đò cũng không bánh xe dụ cho bất sinh ra ngã kiến.

Trước là “Là lược v.v...” trở xuống là kết.

Kế là “Trung quán v.v...” trở xuống là chỉ riêng về Trung và Giả. Nói “thọ ký v.v...”: nói đủ thì như trong “Chỉ quán Giả Trung phá pháp”, Hành giả nên biết. Nay nói về ba quán tu đầy đủ về hai không. Chỉ vì kiến hoặc của kẻ độn căn quá nặng nên Đại sư chỉ riêng về không để đối trị với loại hoặc này. Nếu loại hoặc này mất thì hai đế sẽ tự hiển bày. Vì thế, đối với Trung và Giả thì chỉ chỉ bày riêng mà thôi.

Kế nữa là “Ngã đoạn v.v...” trở xuống là giải thích về dụng của hai thứ không về mặt quả, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Tất cả “trở xuống là giải thích về nghĩa, như sau:

- Nói về sự thành tựu tự hành, có hai:

- Nói về sự tròn đầy của bốn đức, có hai:

Một là giải thích về Nhân và Pháp.

Hai là Sự thành tựu về quán, có hai:

Trước là y theo Nhân và Pháp để giải thích văn, có hai:

Một là Nói về sự thành tựu của phép quán không. “Giải thích về mười thiền”: Sân, Phú, Thụy, Miên, Hý, Trạo, Vô tâm, Vô quý, Khan, tạt. Phần nộ. Tức giận gọi là Sân, Che giấu tội của mình gọi là Phú, Ý

thức hôn mê gọi là Thụy, Năm giác quan tối tăm gọi là Miên, Vui đùa gọi là Hỷ, Ba nghiệp thô tháo, vọng động gọi là Trạo. Khởi lằm lổ ở chỗ khuất mà không tự hổ thẹn gọi là Vô tâm. Làm điều sai ở chỗ công khai mà không sợ thẹn với người khác gọi là Vô quý. Không bố thí tiền của và Pháp là san. Tâm tư bực bội vì sự vinh hoa của người khác gọi là Tật. Phiền não tức là tư hoặc. Tuy kiến và Tư đều gọi chung là phiền não nhưng nay Đại sư lấy Tư hoặc làm đại biểu là để tránh bớt phiền phức.

Hai là “Nhị thừa v.v...” trở xuống là y theo Đại và Tiểu để giải thích về sự dứt trừ, có hai: nói về sự dứt trừ hết hay không hết của Đại và Tiểu, có hai:

Một là Nói về Nhị thừa đoạn chung dư riêng: Danh số của tất cả phiền não thuộc giới nội đều chung với giới ngoại. Nhưng dùng cái làm chướng ngại Không và Trung để phân chia thì biết được cái chung, cái riêng. Thiên nữ rải hoa trong thất ngài Tịnh Danh, Thanh văn thì bị hoa dính trên thân, còn Bồ-tát thì không. Vì vậy, Thanh văn bị quở trách rằng “Vì chưa hết kiết sử nên hoa dính vào thân”. Đó là mối đoạn phần chung chứ chưa dứt phần riêng.

Hai là “Mà nói v.v...” là nói về vấn đề đối với Phật địa thì chung và riêng đều dứt sạch, có hai:

Một chính là chỉ bày: Tuy nói rằng Bồ-tát có khả năng dứt trừ hết kiến hoặc thuộc phạm vi riêng nhưng thật ra thì chưa dứt trừ rốt ráo như Đức Phật. Nếu đạt đến địa vị Phật thì chẳng những dứt hết phần riêng mà còn dứt hết cả phần chung. Vì sao? Vì kiến và Tư là cái được thành tựu của hạt giống, tập khí khác nhau của chúng sinh trong sáu đường ở khắp các cõi nước trong mười phương. Nhân địa chưa dứt trừ tận bờ mé, chỉ có Phật mới hoàn toàn dứt trừ đầy đủ. Vì vậy, Đại sư nói: “Cả Chung và Riêng rốt ráo đều ở tại Phật”.

Hai là Dẫn chứng: Bản thể của Sinh và Pháp thuộc Tánh đức là vô thường, vì hai thứ chấp là chung và riêng mà thành thấp kém. Bạc Diệu giác đã dứt sạch hai thứ chấp nên đều là vô thường. Vì thế, Đại sư nói là “Giả và Thật của vô thường là điều mà ở giai vị Phật không bị mê hoặc”.

Kế là “Kinh luận v.v...” trở xuống là giải thích về có dứt trừ hay không dứt trừ của Phật địa, có hai:

Một là Nói về có dứt trừ: Trí thì lấy sự giác ngộ tuyệt đối làm Thượng thượng. hoặc thì dùng sự mê muội cùng cực làm Thượng thượng. Nay do sự mê tối sắp hết, chỉ còn lại sự nhỏ nhiệm nên gọi là Hạ hạ.

Bởi thế, luận Khởi Tín nói: “Tâm giác ngộ vừa khởi v.v... Tâm không có tướng đầu tiên (Sơ)”. Vì xa lìa niệm sâu kín nên tâm thường trụ. Vì hoặc sâu kín nên khó phân biệt, khó dứt trừ. Do vậy, bậc trí thượng thượng mới đoạn hết hoặc thuộc hạ hạ. “Năng lực Vô minh rộng lớn”: Tuy hoặc nhỏ nhiệm nhưng có công năng ngăn chướng Diệu giác. Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói rằng công đức mà vị Bồ-tát Quán đảnh có được là như một ụ đất, công đức của bậc Diệu giác thì như đất của bốn thiên hạ. Sự ngăn chướng do Vô minh sau cùng như thế thì lẽ nào năng lực của nó lại không lớn? Nếu trí Phật không phát khởi thì loại hoặc ấy không tiêu mất. “Tuệ thuộc một niệm tương ứng”: Tức là sự giác ngộ hoàn toàn. “Chính và Tập đều hết”: Bao gồm cả chung và riêng.

Hai là “Có người nói v.v...” trở xuống là nói về sự không dứt trừ “Thượng sĩ thuộc Hữu”: Tức là Đẳng giác. Ở giai vị này, hành giả phải tu loại Thiền thanh tịnh tịnh, dứt niệm sâu kín. Do vậy Đại sư gọi là “Đoạn”. Thượng sĩ thuộc Vô”: Tức là giai vị Diệu giác. Đã không còn tu, chứng thì có gì để dứt trừ?

Kế là “nay là v.v...” trở xuống là dùng Tất-đàn để điều phối. Vấn đề có dứt hay không này mỗi phần đều đọc thấy ở văn của giáo. Nhân sư chấp đấm nên tranh luận mãi không dứt. Nay dùng ý hợp với căn cơ của bốn thứ Tất-đàn để điều phối khiến cho sự tranh luận không còn lý do sinh khởi. Cõi nước là cảnh vực. Tức là hợp với thế giới, nơi ở của căn cơ; Tùy nơi ở mà thích nghe về trí Phật có dứt hay không dứt để sinh tâm hoan hỷ. Thời tức là Đối trị; Tùy thời hợp với nghĩa của có dứt hay không dứt để phá ác. Người tức là Vi nhân; Tùy người nên dùng dứt hay không dứt để sinh điều lành. Ngộ tức là Đệ-nhất-nghĩa; Tùy ngộ dứt hay không dứt mà đi vào Lý. Vì bốn thứ căn cơ ấy mà nói là có hai nghĩa. Luận bàn về trí của Phật thì không thể nói năng, suy nghĩ.

Kế nữa là “Chứng Vô v.v...” trở xuống là nói về sự tròn đầy của hai con đường chính và trợ. Chứng được Sinh và Pháp Vô thượng từ hai thứ Không gọi là con đường Vô thượng. Do sự phối hợp tu tập giữa công hạnh của trợ thuộc về Sự và Chính nên được gọi là công đức mẫu nhiệm.

Tiếp là “Mở cửa cam lộ v.v...” trở xuống là nói về sự tròn đầy của đức dứt, có hai:

Một là Giải thích sơ lược về Cam lộ: Lấy bốn thứ là Mạng v.v... theo thứ lớp để so sánh với Thường, Lạc, Ngã và Tịnh.

Hai là “Nhưng đây v.v...” là giải thích đầy đủ về các loại bốn câu.

Trước là đối với bốn vị trí của Hoa nghiêm, có hai:

Một chính là đối: Tuy Hoa nghiêm gồm cả Biệt, nhưng nay chỉ lấy Viên của nó. Bởi vì ba mươi vị của Biệt chưa có được Cam lộ.

Hai là “Hạ địa v.v...” trở xuống là giải nghi: Vì sợ người sau nghi ngờ nên Đại sư giải thích, giáo hóa, khiến cho người khác có sở đắc giống như mình.

Kế là “Lại nữa, Thông v.v...” trở xuống là đối với bốn trí của Bát-nhã: Tuy luận giải thích nhiều nhưng vẫn còn chung với cả ba giáo. Bốn giáo của nay đều từ Cam lộ mà nói nên chính xác là ở Viên. Lấy Nhất tâm ba trí quyết trạch tất cả tướng gọi là Đạo Tuệ mở cửa. Nhất tâm ba trí lập ra tất cả Pháp gọi là Đạo chủng tuệ nêu bày đồ dùng. Nhất tâm ba trí cùng phủ nhận sự quét sạch về lập bày gọi là Nhất thiết trí đi vào thành. Nhất tâm ba trí cùng chiếu soi cả quét sạch và thiết lập gọi là Nhất-thiết-chủng-trí ở trong phòng. Do bốn thứ trí ấy mà trụ nơi Niết-bàn, làm cho chúng sinh đạt được bốn thứ trí ấy gọi là “Ăn mùi vị”.

Kế nữa là Đối với “Đại sự” của Pháp Hoa: Tri kiến của Phật ở Pháp Hoa là Cam lộ ở đây khai v.v... của Pháp Hoa đối với bốn câu ở đây. Chỉ có Ngộ, Nhập là có khác đôi chút với Nhập, Xứ. Nhưng, xét về nghĩa thì giống nhau.

Kế tiếp là Đối với bốn đức Niết-bàn: Trước đây dùng bốn đức để giải thích về nghĩa Cam lộ. Nay dùng bốn đức để đối với văn của khai v.v... Có sự khác nhau đó.

Thứ đến là “suy đại v.v...” trở xuống là nói về sự thành tựu của giáo hóa kẻ khác, như sau:

- Chia văn lập ý, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Các kinh khác v.v...” trở xuống là lập ý, có hai:

Một là Nói về Trí định tướng thành. “Trước hiện thần thông”: Tức là khiến cho kẻ khác trọng pháp thích nghe. “Sau hiện thần thông”: Tức là làm cho kẻ khác y theo pháp để tu hành. Vì vậy, trước nói là để mở sau, sau nói là để thành tựu trước.

Hai là “Tu nhân v.v...” trở xuống là nói về Nhân quả đồng loại. Chánh đạo của hai không thuộc về trí đức. giúp đạo của hai không thuộc về Đức dứt. Tức là hai thứ nhân là Duyên và Liễu. Nếu chẳng có hai nhân này thì làm sao chứng được hai quả.

Tiếp là “nói pháp v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích văn, lại có:

- Nói về việc xoay bánh xe pháp giáo hóa người khác, có hai:

- Nói về nói pháp, có hai:

Một là Chỉ bày chung.

Hai là “Thối ốc v.v...” trở xuống là giải thích riêng, lại có:

Một là Giải thích riêng về con ốc, cho nên gọi: Đại kinh nói: “Thối vỏ ốc”, tức là biết thời. “Phàm tánh thuộc khổ Nhẫn”: Tức là Nội phàm Thượng trong Nhẫn vị đối với khổ để trở xuống là lưu lại một hạnh một duyên. Đó là phàm tánh. Chánh tánh của bậc Thánh gọi là Sơ quả. “Nói về pháp Đại thừa”: Tức là chỉ dùng Viên giáo làm Đại thừa. Đối tánh nghiêng lệch của phàm và Thánh. Lục địa của Thông giáo là Thánh, Thập Hưởng của Biệt giáo, Thập tín của Viên giáo là Nội phàm. Vì chưa hiển lý nên tất cả đều gọi là Tánh nghiêng lệch. Thất địa của Thông giáo đến đây thì được biết về Viên, tất cả đều được đổi tên vị trí. Ba người đều phá Vô minh, thấy Tánh viên dung của Trung đạo.

Hai là “Kích đại v.v...” trở xuống là nói về sự đánh trống răn đe người tiến tới”: Tức là phép của quân trận. Binh quyền nói: “Nghe tiếng thì tiến lên. Nghe tiếng kim loại thì ngừng lại”. Trống thì làm trang nghiêm quân chúng khiến họ tiến lên phía trước, là đốc suất, là dẫn dắt. “Vị trí ở Tu đạo”: Tức là Sơ quả tiến lên Nhị quả của nay. “Vị trí của Thông giáo là ở Bát địa”. Trước đây giải thích đối hiệu là Thất địa phá Vô minh. Nay tiến lên Bát địa là tăng Đạo tổn sinh. Biệt giáo nên nói là Nhị địa, Viên giáo nên nói là Nhị trụ mới gọi là tiến lên Tu đạo. Nay sở dĩ nói Thập hạnh, Sơ trụ là vì sợ người học nhầm lẫn, hoặc là Đại sư có ý riêng. “Chân thật tu đạo”: Tức là Bát địa thuộc Thông, Nhị địa thuộc Biệt và Nhị trụ của Viên. Vì vậy, Đại sư nói “hoặc tiến v.v...”. Địa luận cho Sơ địa là Kiến đạo, Nhị địa đến Thất địa gọi là Tu đạo. Bát, Cửu và Thập địa là Vô học đạo. Địa luận tuy là vị trí của Biệt nhưng theo lệ chung của Viên thì có thể biết.

Ba là Giải thích về đốt đuốc: Thông giáo trở xuống đều dùng giáo lý tương đương để giáo hóa giai vị khác. Ở đây nói Bát địa là chẳng phải lấy sự nhận và tiếp mà chỉ y theo giáo lý phù hợp ý của Thập hưởng cũng giống như vậy. Vì trong thì tu tập Trung quán mà ngoài cũng ra khỏi Giả. “Viên tại Sơ trụ”: Vì trăm cõi làm Phật phổ môn thị hiện. Viên nói theo thẳng thì lấy chân thuộc từng phần. Chỉ quán gọi là “Vị trí Chân ra khỏi Giả, “Đều là v.v...” trở xuống là kết luận sự chỉ bày về ba vị trí. Đạo là nói về sự giáo hóa người ngoài. Quán là nói về sự thực hành bên trong. Đây là bao gồm cả sự bất đồng của ba giáo. Các văn khác chỉ nói ở lập trường của Thông.

Bốn là Giải thích về tuôn xuống cơn mưa: Phù sơ tức là Sum suê.

Thời trạch tức là Lúc mưa. Đại hằng là sông Căng-già.

Kế là “Nếu được v.v...” trở xuống là theo điển hình của bốn kinh ở trên.

Kế nữa là “Một loại này v.v...” trở xuống là lấy Ngang và Dọc để kết. “Dọc thì bắt chước vị trí các kinh”. Tức là, ở trước tuy tên gọi bốn kinh là rời, nhưng là vị trí của Viên thuộc Trụ, Hạnh, Hưởng và Địa. Vì thế, Đại sư gọi là Dọc. “Ngang thì nói về tất cả các vị trí”: Tức là nhiếp các vị trí của Phạm, Thánh thuộc cả bốn giáo như sự giải thích văn ở trước. “v.v...”: Vì Bộ là ở Phương đẳng nên vấn đề giáo hóa người khác ở đây phải bao gồm cả bốn ích lợi. Ý chỉ của vấn đề Ngang thì nhiếp tất cả các vị ở trong ấy.

Kế tiếp là “Trong này v.v...” trở xuống là giải thích chung về nghĩa chính: Ba thứ trước gọi là Đại. Một loại sau gọi là Thắng. Vì Thắng cũng là Đại nên Đại sư nói là “Đều nói là Đại”. “Con đường phổ thông v.v...” trở xuống là nếu lấy tên gọi chung thì chỉ ở pháp của Đại, nhưng xét về nghĩa thì cùng trở về Viên. Đối với bốn bản kinh thì nghĩa của chúng lại càng hợp.

Thứ đến là “nay ta v.v...” trở xuống là nói về Thần thông, như sau:

- Nói về sự phá bỏ oán, có hai:

Một là nói về phiền não là oán.

Hai là “Ma là v.v...” trở xuống là nói về Thiên ma là chính.

Kế là nói về Dọc, cờ phướn “Cao vượt hơn các công hạnh”: tức là cờ Pháp Tam-muội. Công đức muôn hạnh đều là quyến thuộc, đều quy về nguồn cội. Vì là Tam-muội của muôn hạnh nên so sánh với các công hạnh. “Binh so với Mao”: Tay chỉ gọi là Mao.

Thượng thư nói: “Tay trái cầm cái búa lớn màu vàng. Tay phải cầm chén rượu.”

Bình quyền nói: “Tướng quân bèn cầm v.v...” là chỉ vào quân chúng mà thế”. Lại nói: “Nghe tiếng trống thì tiến lên. Nghe tiếng kim khí thì dừng lại. Tùy theo sự chỉ đạo mà Năm trân được điều chỉnh”.

Kế là “Ba đức v.v...” trở xuống là nêu ra thể của Tam-muội: Nếu Thể của Tam-muội chẳng phải Dọc, chẳng phải Ngang thì làm sao xuất ra các công hạnh, làm sao xô dẹp được năm trụ, làm sao phá được Thiên ma? Thể và Dụng của loại Vô ký thần thông là như vậy.

Tiếp là “Từ Độ v.v...” trở xuống là nói về sự giáo hóa người của bốn thế nguyện rộng lớn, có hai:

Một là Sự chỉ bày về nghĩa của các văn còn lại. “Tuy lại v.v...”:

Đã y theo bốn đế mà lại vận dụng bốn hoàng. Bốn đế đã thường hằng thì lẽ nào Thệ nguyện lại dừng nghỉ. Ý của người thuộc nhân cầu thành Phật là ở sự lợi sinh. Nay đã thành tựu được điều mong cầu thì lẽ nào lại quên sự cho và nhờ. “Bốn hoàng là v.v...” trở xuống là chỉ bày về Thệ nguyện có chỗ y cứ: Thệ nguyện tức là Vô duyên từ bi. Cảnh là bốn đế Vô tác, hành tướng của Vô duyên và Vô tác như thế nào? Thế độ chúng sinh, Vì sinh tử là Niết-bàn. Thế dứt phiền não, vì phiền não là Bồ-đề. Thế học Pháp môn, vì ngay nơi hoặc mà thành tựu Trí. Thế thành Phật đạo, vì thành tựu Diệt ở ngay Sinh. Nếu không vận thì làm sao độ được tất cả và mong cầu mãi mãi?

Hai là “Vượt các v.v...” trở xuống là tùy theo nghĩa để giải thích văn, có bốn:

Một là khiến cho vượt qua khổ đế: Kinh nói dứt trừ hẳn ba thứ ác tức là ba con đường. chúng ta phải y theo mười phen để nói về vượt qua, nói về dứt trừ.

Hai là khiến cho dứt trừ Tập đế: chúng ta phải hiểu rõ rằng năm trụ đốt cháy chúng sinh của mười cõi.

Ba là làm cho chứng Diệt: chúng ta phải chia ra để nói về bốn thứ Cam lộ. Quy nạp mà giải thích thì chỉ có một loại là Viên, Thường.

Bốn là Làm cho an trụ nơi Đạo đế, gồm có:

Một là y theo Đàn để nói về Đế: Không chỉ thực hành về Đàn là có đủ bốn đế mà cả năm Độ khác cũng đều có đủ. Năm loại không y theo Đế thì bất động lưu xuất. Như vậy thì làm sao có Độ? Hành giả lại phải biết rằng nay y theo Vô tác.

Hai là “Vô lượng v.v...” trở xuống là giải thích văn kinh.

Ba là “Luận nói v.v...” trở xuống là Đàn nhiếp sáu độ: Đại luận quyển mười hai giải thích về Đàn độ rằng: “Nếu Bồ-tát thực hành đàn độ thì sẽ sinh ra sáu độ. Lúc ấy, gọi là Sự tròn đầy của Đàn độ. Thế nào gọi là Bồ thí sinh ra Đàn độ? Vì có Hạ, Trung và Thượng. Nếu lấy thức ăn, món uống thô dở để bố thí thì gọi là Hạ. Lấy áo quần, vật báu mà bố thí thì gọi là Trung đàn. Nếu đem đầu mắt, máu thịt, đất nước, tài sản, vợ con để bố thí thì gọi là Thượng. Thế nào gọi là Bồ thí mà sinh ra Thi-la Độ? Bồ-tát suy nghĩ rằng vì chúng sinh chẳng biết bố thí, đời sau nghèo cùng nên làm điều ác. Nếu thực hành bố thí thì đời sau có phước không bị thiếu thốn thì nên Trì giới. Vì sao gọi là bố thí sinh Nhẫn độ? Lúc Bồ-tát bố thí, người giận ghét mắng; hoặc là cầu xin quá nhiều, hoặc xin không đúng lúc, hoặc không nên xin mà xin. Lúc bấy giờ, Bồ-tát nên nghĩ rằng: Sự bố thí của ta hôm nay là vì mục đích tìm

cầu con đường của Phật, không do ai xúi giục ta bố thí cả mà do ta tự làm. Vì vậy, ta lại sinh tâm sân hận? Suy nghĩ như vậy rồi Bồ-tát liền thực hành nhẫn nhục. Thế nào gọi là bố thí sinh Tấn độ? Lúc bố thí, Bồ-tát thường thực hành tinh tấn, muốn thực hành hai thứ Thí. Bồ-tát siêng năng tìm cầu Tài và Pháp để mong sao cho được đầy đủ. Thế nào gọi là bố thí sinh Thiên độ? Lúc Bồ-tát bố thí thì sẽ dứt trừ tham lẫn mà thực hành Nhất tâm, dần dần dứt được năm cái. Đó gọi là Thiên độ. Lại nữa, Tâm y theo bố thí mà đi vào Sơ thiên cho đến Diệt định. Thế nào gọi là bố thí sinh Trí độ? Lúc Bồ-tát bố thí, biết là có quả báo mà không nghi ngờ, phá được Tà kiến, Vô minh. Lại nữa, Bồ-tát lại phân biệt Tinh và bất tinh, quả báo có được của sự bố thí khác nhau. Đó gọi là Sinh ra Trí. Do đó gọi là nghĩa của Đàn nhiếp sáu độ. Năm Độ còn lại cũng thu nhiếp lẫn nhau. Vì chẳng phải ý của văn nay nên lại nói về Đàn. Vì bố thí là đầu của sáu đàn nên thuộc về sinh tiện lợi.

Bốn là “Xả thân v.v...” trở xuống là lấy bờ kia để kết: Sinh tử là bờ mé trước, Niết-bàn là bờ mé sau. Thân mạng và tài sản, ba thứ này thuộc về Sự. Vì quán sát ba thứ này và tâm thuộc chủ thể quán, cảnh thuộc đối tượng quán. Ngay nơi ba luân tức là không, giả, trung cho nên bằng với ba đức của Niết-bàn. Ở đây dùng nhân thường để ghi nhận quả thường, nếu không như thế thì đâu được không hoại thường trụ. Thực hành Đàn như thế gọi là Ba-la-mật. Ba đức vô lượng cho nên Đàn ca theo chiều dọc. Ba đức vô lượng cho nên Đàn rộng theo chiều ngang. Căn cơ này thích sơ lược, cho nên Như Lai khéo nói một đàn vâng tu các hạnh, nên biết rõ điều đó. Nói quả rồi thì thực hành Đàn để làm lợi ích chúng sinh, chẳng lẽ hành nhân nghe mà không tu ngay hay sao?

